

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TTBNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 206/TTrSNNMT ngày 26/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ năng lượng Newway Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại CCN Tân Hồng – Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm điện tử” tại CCN Tân Hồng – Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm điện tử.

1.2. Địa điểm thực hiện: CCN Tân Hồng – Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án: 6582675516 chứng nhận lần đầu ngày 04/12/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 09/4/2024. Nơi cấp Ban quản lý các KCN Bắc Ninh.

1.4. Mã số thuế: 2301157512.

1.5. Loại hình sản xuất:

Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện tử và Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 8544, 7318, 9405, 3926, 8536, 8308, 7616, 7326, 8541.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích của dự án: 14.652m² (Thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô).

- Phân nhóm dự án:

+ Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

+ Dự án thuộc số thứ tự 2, mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương dự án nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

1.6.2. Quy mô, công suất:

- Sản xuất gia công tấm pin năng lượng mặt trời công suất 150 Megawatt/năm;

- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 8544, 7318, 9405, 3926, 8536, 8308, 7616, 7326, 8541. Dự kiến khoảng 3.000.000 USD/năm.

1.6.3. Quy trình sản xuất:

- Quy trình sản xuất, gia công tấm pin năng lượng mặt trời:

Nguyên liệu → Kiểm tra IQC, cắt → Hàn chuỗi → Xếp tầng, hàn thủ công → Kiểm tra ngoại quan 1 → Ép tầng → Cắt bavia → Kiểm tra ngoại quan 2 → Đóng khung, ghép hộp, hàn hộp kết → Gắn keo → Lau sạch → Kiểm tra I-V, EL → Kiểm tra OQC.

- Quy trình hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hóa

Nguyên liệu → Kiểm tra hải quan → Bán cho đơn vị có nhu cầu.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ năng lượng Newway Việt Nam:

1. Công ty TNHH Công nghệ năng lượng Newway Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công nghệ năng lượng Newway Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:

Kê từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành đến ngày 30/6/2028 (Theo thời hạn thuê nhà xưởng tại Hợp đồng thuê văn phòng, nhà xưởng số 1503/2024/HĐTNX ngày 15/3/2024).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm điện tử” theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-NNMT ngày 26/5/2025 của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Tiên Du: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm điện tử”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH Công nghệ năng lượng Newway Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- BQL các KCN tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu: VT, KTN_{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ nhà máy được thu gom đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày đêm của Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô (đơn vị cho thuê xưởng) để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

Vì vậy, dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải từ khu vệ sinh, Nhà máy xây dựng 02 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó nước thải sẽ được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô công suất 100 m³/ngày đêm bằng đường ống PVC ϕ 300mm, dài khoảng 230m để xử lý đạt Quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải nhà ăn được thu gom rồi dẫn về 1 bể tách mỡ dung tích là 03 m³ sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô công suất 100 m³/ngày đêm bằng đường ống PVC ϕ 300mm, dài khoảng 230m để xử lý đạt Quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày đêm của Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô:

Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải của khu vực.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm, do Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô xây dựng và quản lý vận hành.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày đêm và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (do nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³ /ngày đêm của Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn và đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty Cổ phần thương mại công nghiệp Thủ đô, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau xử lý phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- + Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại xưởng 1;
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình ép tầng tại xưởng 1;
- + Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ quá trình tra keo tại xưởng 1;
- + Nguồn số 04: Bụi khí thải từ quá trình cắt tại xưởng 1;
- + Nguồn số 05: Bụi khí thải từ quá trình khắc laser tại xưởng 1;
- + Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ quá trình sấy tại xưởng 1;
- + Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại xưởng 2;
- + Nguồn số 08: Khí thải phát sinh từ quá trình ép tầng tại xưởng 2;
- + Nguồn số 09: Bụi, khí thải từ quá trình tra keo tại xưởng 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả thải: 02 vị trí xả thải sau xử lý được thải ra môi trường.

- Dòng khí thải 01 (OK1): Dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01 đến nguồn 06.

Toạ độ vị trí xả thải: X=2336275, Y=394629.

- Dòng khí thải 02 (OK2): Dòng khí thải tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 07 đến nguồn 09.

Toạ độ vị trí xả thải: X=2336208, Y=394631

(Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰, múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 48.000m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: 28.000m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: 20.000m³/giờ;

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục 24/24 giờ khi hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải: Dòng khí thải số 01, 02 (OK1, OK2): Khí thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80 mg/Nm ³		
3	CO	mg/Nm ³	≤ 400 mg/Nm ³		
4	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 300 mg/Nm ³		
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤ 400 mg/Nm ³		
6	Đồng và hợp chất	mg/Nm ³	≤ 5 mg/Nm ³		
7	Kẽm và hợp chất	mg/Nm ³	≤ 7 mg/Nm ³		
8	Etylen oxyt	mg/Nm ³	≤ 15 mg/Nm ³		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng, cắt, khắc laser tại xưởng 1 sau khi phát sinh sẽ được hút vào hệ thống ống dẫn khí thải của nhà máy thông qua các ống hút đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng 01 quạt hút, với công suất 28.000m³/h. Khí thải thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí (OK1).

- Khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng tại xưởng 2 sau khi phát sinh sẽ được hút vào hệ thống ống dẫn khí thải của nhà máy thông qua các ống hút đưa về hệ thống xử lý khí thải bằng 01 quạt hút, với công suất 20.000m³/h. Khí thải thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí (OK2).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng, cắt, khắc laser tại xưởng 1 (OK1):

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Quy mô: Xử lý khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng, cắt, khắc laser tại xưởng 1.

- Phương pháp xử lý: Hấp phụ than hoạt tính.
 - Quy trình xử lý chung: Bụi, Khí thải → Chụp hút/Ống hút → Đường dẫn khí → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.
 - Công suất: 01 quạt công suất 28.000m³/giờ.
 - Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.
 - Chế độ vận hành: Liên tục.
- 1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng tại xưởng 2 (OK2):

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Quy mô: Xử lý khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng tại xưởng 2.
- Phương pháp xử lý: Hấp phụ than hoạt tính.
- Quy trình xử lý chung: Bụi, Khí thải → Chụp hút/Ống hút → Đường dẫn khí → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.
- Công suất: 01 quạt công suất 20.000m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.
- Chế độ vận hành: Liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra tình hình vận hành của máy móc, thiết bị trong hệ thống.
- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.
- Định kỳ quan trắc chất lượng khí thải sau khi xử lý, đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.
- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố và ảnh hưởng tới môi trường; báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 02/2026 đến tháng 04/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý khí thải.

- Vị trí lấy mẫu:

+ Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng, cắt, khắc laser tại xưởng 1 (OK1).

+ Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ các quá trình hàn, gắn keo, ép tầng tại xưởng 2 (OK2).

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

PHỤ LỤC 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung tại xưởng sản xuất 1.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung tại xưởng sản xuất 2.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ quạt hút khu vực xử lý khí thải xưởng 1.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ quạt hút khu vực xử lý khí thải xưởng 2.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung từ máy nén khí 1, 2 tại xưởng 1.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung từ máy nén khí 3, 4 tại xưởng 2.

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

* Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

* Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp đặt các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung, ...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ, ...

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Đối với tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông, vận tải:

+ Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ gây ra tiếng ồn và độ rung cao.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận tải.

+ Các phương tiện giao thông vận tải phải được tiến hành đăng kiểm theo đúng quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
 ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
1	Dầu thủy lực thải	650	17 01 06
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	40	16 01 06
3	Than hoạt tính từ HTXL khí thải	2.050	12 01 04
Tổng		2.740	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dụng cụ bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	Rắn	800
2	Bao bì, dây đai thải bỏ không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	500
3	Giấy photo, bì catton	Rắn	200
4	Sản phẩm lỗi không nhiễm TPNH	Rắn	20.000
5	Bavia thải bỏ không nhiễm TPNH	Rắn	3.500
6	Bùn thải từ bể tự hoại	Rắn/lỏng	1.500
7	Cặn từ bể tách mỡ	Rắn	100
Tổng		-	26.600

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự báo phát sinh: 36.200kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải được kiểm soát

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giẻ lau dính dầu, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	1.000	18 02 01
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	700	18 01 01
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	30	18 01 02
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	4.000	18 01 03
5	Hộp mực in thải	10	08 02 04
Tổng		5.740	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng có nắp đậy kín có dán nhãn, ghi mã cụ thể đều đáp ứng các yêu cầu về độ an toàn, kỹ thuật của vật liệu chứa theo đúng quy định. Đảm bảo không rò rỉ, không thủng, nứt, không bị ăn mòn và có dán tên, mã CTNH trên bao bì/thùng chứa theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa: 01 khu CTNH có diện tích 14m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Được thu gom, phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa dung tích 20-120 lít/thùng, có nắp đậy và bao bì mềm.

- Khu vực lưu chứa: 01 khu chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 14m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Được thu gom, phân loại và lưu giữ tại các thùng chứa dung tích 20-120 lít/thùng, có nắp đậy và bao bì mềm.

- Khu vực lưu chứa: 01 khu chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong

Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ CTNH, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Công nghệ năng lượng Newway Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát việc thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, CTNH phát sinh từ hoạt động của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.